

Công ty Cổ phần Licogi 16

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Licogi 16

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 49

Công ty Cổ phần Licogi 16

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch
Ông Budiman Satrio Sudono	Thành viên
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên
Ông Phan Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Lê Vũ Nam	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

Bà Nguyễn Thị Thủy	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Bà Vũ Thị Thu Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Nam Trung	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Dương Hùng	Giám đốc Xây dựng	miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2017
Ông Phí Ngọc Anh	Giám đốc Xây dựng	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
	Giám đốc Kinh tế Kế hoạch	miễn nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Bà Đinh Thị Hiền	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Minh Khai	Giám đốc Bất động sản	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Dương Hùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Licogi 16

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") trình bày báo cáo này liên quan đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:


Bùi Dương Hùng
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60992762/19355428/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Licogi 16

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.851.502.677.043	1.875.451.770.173
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	160.597.302.748	226.732.044.282
111	1. Tiền		150.097.302.748	80.232.044.282
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.500.000.000	146.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		20.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.178.454.960.986	1.016.693.984.807
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	529.322.060.089	641.263.970.862
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	334.614.318.374	225.303.645.512
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	8.136.418.391	7.136.418.391
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	330.772.007.234	169.092.099.125
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(24.389.843.102)	(26.102.149.083)
140	IV. Hàng tồn kho	9	459.544.399.877	569.468.920.575
141	1. Hàng tồn kho		459.544.399.877	569.468.920.575
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		32.906.013.432	62.556.820.509
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	13.523.650.265	33.413.170.074
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		19.382.363.167	29.143.650.435
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		714.016.525.213	737.761.991.687
210	I. Phải thu dài hạn		2.000.000	2.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		2.000.000	2.000.000
220	II. Tài sản cố định		156.429.325.925	118.160.322.912
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	152.146.247.966	113.278.143.631
222	Nguyên giá		204.634.438.277	157.054.672.131
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.488.190.311)	(43.776.528.500)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	4.283.077.959	4.882.179.281
228	Nguyên giá		9.665.060.000	9.665.060.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.381.982.041)	(4.782.880.719)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		72.732.145.392	121.678.978.245
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	72.732.145.392	121.678.978.245
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	470.465.925.961	479.389.526.049
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		382.465.925.961	479.389.526.049
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		88.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.387.127.935	18.531.164.481
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	259.138.942	236.497.655
269	2. Lợi thế thương mại	15	14.127.988.993	18.294.666.826
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.565.519.202.256	2.613.213.761.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.445.279.061.066	1.537.579.506.546
310	I. Nợ ngắn hạn		1.365.960.768.675	1.475.298.914.683
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	340.716.750.095	416.564.278.852
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	376.439.483.939	444.774.402.841
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	50.790.046.452	42.952.921.464
314	4. Phải trả người lao động		4.493.413.984	3.987.350.479
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	184.477.620.895	186.944.560.581
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	89.190.754.542	98.653.442.784
320	7. Vay ngắn hạn	21	310.476.895.355	268.991.956.456
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.375.803.413	12.430.001.226
330	II. Nợ dài hạn		79.318.292.391	62.280.591.863
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	8.818.143.111
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	65.443.351	65.443.351
338	3. Vay dài hạn	21	74.042.107.432	44.528.799.833
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	3.028.640.608	6.586.378.318
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		2.182.101.000	2.281.827.250
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.120.240.141.190	1.075.634.255.314
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.120.240.141.190	1.075.634.255.314
411	1. Vốn cổ phần	22.1	762.499.560.000	762.499.560.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		762.499.560.000	762.499.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	93.686.613.494	93.686.613.494
415	3. Cổ phiếu quỹ	22.1	(3.390.000)	(3.390.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	119.204.302.363	119.204.302.363
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	115.609.474.076	70.721.042.099
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		70.721.042.099	1.731.302.878
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		44.888.431.977	68.989.739.221
429	6. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		29.243.581.257	29.526.127.358
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.565.519.202.256	2.613.213.761.860



Đặng Văn Lục
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng





Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật


Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	502.926.213.208	336.054.959.593
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(402.324.042.527)	(316.413.889.958)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		100.602.170.681	19.641.069.635
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	10.928.418.814	5.038.253.971
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(17.150.866.322) (16.839.531.734)	(18.834.751.034) (17.228.062.633)
24	6. Phần (lỗ) lãi từ công ty liên kết		(27.327.361)	840.660.150
25	7. Chi phí bán hàng	26	(19.663.684.848)	(1.488.871.363)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(19.511.679.620)	(14.384.684.990)
30	9. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		55.177.031.344	(9.188.323.631)
31	10. Thu nhập khác	27	2.192.067.470	31.738.269.272
32	11. Chi phí khác	27	(1.825.132.629)	(2.543.887.842)
40	12. Lợi nhuận khác	27	366.934.841	29.194.381.430
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		55.543.966.185	20.006.057.799
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(9.495.818.019)	-
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	3.557.737.710	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		49.605.885.876	20.006.057.799
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		44.888.431.977	20.006.057.799
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		4.717.453.899	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.4	559	236
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.4	559	236


Đặng Văn Lục
Người lập


Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng


Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật



Ngày 29 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		55.543.966.185	20.006.057.799
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 15	13.754.117.924	9.797.000.288
03	Hoàn nhập dự phòng		(1.812.032.231)	(2.711.776.356)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(10.831.161.619)	(32.721.506.129)
06	Chi phí lãi vay	25	16.839.531.734	17.228.062.633
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		73.494.421.993	11.597.838.235
09	Tăng các khoản phải thu		(134.971.351.014)	(98.343.851.880)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		31.219.924.056	(22.133.765.308)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(159.682.557.128)	60.282.890.217
12	Giảm chi phí trả trước		19.796.878.522	3.126.684.361
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.563.134.204)	(17.330.746.641)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(19.532.222.114)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.054.197.813)	(3.256.791.666)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(209.292.237.702)	(66.057.742.682)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(51.326.899.285)	(46.644.755.672)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		552.850.000	36.576.331.149
23	Tiền chi cho vay		(21.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	14.000.000.000
25	Tiền chi cho đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(43.800.000.000)	(14.390.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		133.440.732.366	5.450.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay và cổ tức được chia		4.292.566.589	61.778.296.176
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		22.159.249.670	56.769.871.653
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	391.413.676.483	363.494.329.321
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(270.415.429.985)	(323.140.445.563)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		120.998.246.498	40.353.883.758

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(66.134.741.534)	31.066.012.729
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		226.732.044.282	22.840.421.001
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	160.597.302.748	53.906.433.730



Đặng Văn Lực
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Licogi 16 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103004836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 4 năm 2005, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch là LCG theo Quyết định số 112/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ xây dựng; mua bán vật liệu xây dựng; phát triển và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 260 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 238).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 3 công ty con, trong đó:

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Licogi 16 ("LCI"), trong đó Công ty nắm giữ 95% vốn chủ sở hữu, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0314428117 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 5 năm 2017. LCI có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của LCI là cung cấp dịch vụ xây dựng.

Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại 12 ("CT12"), trong đó Công ty nắm giữ 80% vốn chủ sở hữu, là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301522507 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 11 năm 1998 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. CT12 có trụ sở chính tại Số 21/3C, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của CT12 là đầu tư xây dựng khu dân cư.

Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Điền Phước ("Điền Phước"), trong đó Công ty nắm giữ 95% vốn chủ sở hữu, là công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102022453 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Điền Phước có trụ sở chính tại Số 24A, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Điền Phước là đầu tư và phát triển khu dân cư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Bất động sản tồn kho

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và được chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--------------------------------------|---|--|
| Nguyên vật liệu | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ theo phương pháp bình quân gia quyền |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí sản xuất kinh doanh dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	3 – 11 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 4 năm
Phần mềm máy tính	8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% trở lên quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào phần vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, thì Nhóm Công ty sẽ ghi nhận phần sở hữu của mình trong phần thay đổi trên (nếu có) và trình bày ở khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Nhóm Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Nhóm Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên:

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trên hóa đơn.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng và chuyển giao đất cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm Công ty có hai bộ phận hoạt động kinh doanh chủ yếu là hoạt động bất động sản và cung cấp dịch vụ xây dựng. Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	293.174.858	992.262.060
Tiền gửi ngân hàng	149.804.127.890	79.239.782.222
Các khoản tương đương tiền (*)	10.500.000.000	146.500.000.000
TỔNG CỘNG	160.597.302.748	226.732.044.282

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi là 4,3 - 5,35%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu từ khách hàng	382.541.873.851	573.142.269.216
- Cá nhân mua dự án đất nền	77.713.407.656	45.210.850.190
- Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	68.896.357.609	141.969.723.446
- Bệnh viện II Lâm Đồng	25.712.008.854	25.712.008.854
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Long	17.585.327.124	-
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn	12.726.177.497	146.203.242.005
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	4.860.004.610	15.120.139.731
- Ban QLDA Các công trình Điện Miền Nam	4.462.046.778	18.962.781.093
- Các khách hàng khác	170.586.543.723	179.963.523.897
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)	146.780.186.238	68.121.701.646
TỔNG CỘNG	529.322.060.089	641.263.970.862
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(24.389.843.102)	(26.102.149.083)
GIÁ TRỊ THUẦN	504.932.216.987	615.161.821.779

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	26.102.149.083	31.652.430.939
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	788.223.644
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.712.305.981)	(3.500.000.000)
Số cuối kỳ	24.389.843.102	28.940.654.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Trả trước cho người bán	209.157.998.279	132.368.680.930
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	33.000.000.000	-
- Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	16.147.880.000	16.147.880.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Đắc Đạo	7.544.000.000	29.337.657.307
- Các nhà cung cấp khác	152.466.118.279	86.883.143.623
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	125.456.320.095	92.934.964.582
TỔNG CỘNG	<u>334.614.318.374</u>	<u>225.303.645.512</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan (Thuyết minh số 29) (*)	5.000.000.000	4.000.000.000
Bên khác (**)	3.136.418.391	3.136.418.391
TỔNG CỘNG	<u>8.136.418.391</u>	<u>7.136.418.391</u>

(*) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
Ông Trần Duy Doanh				
Hợp đồng số 01/HĐ-CTC12	3.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Hợp đồng số 02/HĐ-CTC12	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
Hợp đồng số 04/HĐ-CTC12	1.000.000.000	12 tháng	Không	Tín chấp
	<u>5.000.000.000</u>			

(**) Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn bên khác như sau:

Bên vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	VND		(%/năm)	
Công ty Cổ phần Licogi 16.1				
Hợp đồng số 40/HĐ- Licogi16-Kto	<u>3.136.418.391</u>	12 tháng	9	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tạm ứng	173.692.721.831	153.288.568.374
Đặt cọc	85.528.546.635	3.010.446.830
Phải thu chuyển nhượng vốn	37.600.000.000	-
Chi hộ	20.361.965.455	-
Phải thu lãi cho vay	3.932.193.008	3.858.658.965
Khác	9.656.580.305	8.934.424.956
TỔNG CỘNG	<u>330.772.007.234</u>	<u>169.092.099.125</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	300.746.913.677	134.702.005.568
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	30.025.093.557	34.390.093.557

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bất động sản dở dang (*)	312.554.474.204	510.451.419.726
Các công trình xây dựng dở dang	106.964.127.704	35.762.224.235
Nguyên vật liệu xây dựng	37.825.986.547	20.630.563.316
Công cụ, dụng cụ	1.117.295.916	1.542.197.792
Hàng hóa bất động sản	1.082.515.506	1.082.515.506
TỔNG CỘNG	<u>459.544.399.877</u>	<u>569.468.920.575</u>

(*) Chi tiết bất động sản dở dang được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha	86.695.446.140	86.549.023.480
Khu dân cư Bảo Lộc 17ha	75.256.870.128	72.600.110.946
Khu dân cư Điền Phước	60.362.225.449	60.325.963.055
Khu dân cư Hiệp Thành	55.229.627.303	198.614.721.262
Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha	35.010.305.184	35.010.305.184
Chung cư Nam An	-	57.351.295.799
TỔNG CỘNG	<u>312.554.474.204</u>	<u>510.451.419.726</u>

Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha, Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha và Khu dân cư Bảo Lộc 17ha được dùng làm tài sản thế chấp các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	13.523.650.265	33.413.170.074
Chi phí hoa hồng môi giới	8.687.862.793	16.683.792.732
Phí tư vấn	3.997.356.995	16.241.507.135
Công cụ, dụng cụ	133.692.273	74.659.335
Khác	704.738.204	413.210.872
Dài hạn	259.138.942	236.497.655
Công cụ, dụng cụ	259.138.942	236.497.655
TỔNG CỘNG	<u>13.782.789.207</u>	<u>33.649.667.729</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VND Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	94.485.044.176	60.668.507.891	1.901.120.064	157.054.672.131
Mua trong kỳ	2.884.917.727	-	-	2.884.917.727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	51.144.305.211	-	-	51.144.305.211
Thanh lý	(4.733.911.337)	(1.715.545.455)	-	(6.449.456.792)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	143.780.355.777	58.952.962.436	1.901.120.064	204.634.438.277
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	4.917.076.410	5.478.859.535	-	10.395.935.945
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(21.452.308.791)	(20.977.207.305)	(1.347.012.404)	(43.776.528.500)
Khấu hao trong kỳ	(7.928.845.722)	(3.572.956.801)	(186.536.246)	(11.688.338.769)
Thanh lý	1.349.297.223	1.627.379.735	-	2.976.676.958
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(28.031.857.290)	(22.922.784.371)	(1.533.548.650)	(52.488.190.311)
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	73.032.735.385	39.691.300.586	554.107.660	113.278.143.631
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	115.748.498.487	36.030.178.065	367.571.414	152.146.247.966
Trong đó:				
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 21.2)	83.799.554.251	19.274.550.679	-	103.074.104.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>VND</i> <i>Phần mềm máy tính</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>9.665.060.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(4.782.880.719)
Hao mòn trong kỳ	<u>(599.101.322)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(5.381.982.041)</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>4.882.179.281</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4.283.077.959</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trường Cao đẳng nghề Licogi	72.663.160.670	72.649.439.820
Trạm trộn bê tông Benninghoven	-	48.972.288.425
Khác	<u>68.984.722</u>	<u>57.250.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>72.732.145.392</u>	<u>121.678.978.245</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	382.465.925.961	479.389.526.049
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	<u>88.000.000.000</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>470.465.925.961</u>	<u>479.389.526.049</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Đầu tư và xây dựng khu dân cư để bán và cho thuê	303.075.418.557	30,00	303.173.092.726	30,00
Công ty Cổ phần Licogi 166	Cung cấp dịch vụ xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng	37.984.770.837	46,42	37.663.317.454	46,42
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Thi công lắp đặt các hệ thống điện	26.103.532.188	34,50	26.925.092.251	34,50
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Gia công và chế tạo sản phẩm cơ khí xây dựng	13.899.821.290	46,15	13.898.519.932	46,15
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Tư vấn, thiết kế và giám sát xây dựng	1.402.383.089	36,36	3.029.503.686	36,36
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Sản xuất và kinh doanh nhiên liệu sinh học, bio-ethanol, bio-diesel	-	22,00	-	22,00
Công ty Cổ phần BOT 38 (i)	Đầu tư và phát triển hạ tầng	-	-	72.500.000.000	29,00
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh (ii)	Khai thác và xử lý nước	-	-	22.200.000.000	20,00
TỔNG CỘNG		382.465.925.961		479.389.526.049	

(i) Ngày 20 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 10% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOT 38 cho nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm phần sở hữu trong công ty này còn 19% và được ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

(ii) Ngày 26 tháng 6 năm 2017, Nhóm Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 5% cổ phần trong Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh cho nhà đầu tư khác, qua đó, làm giảm phần sở hữu trong công ty này còn 15% và được ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết này như sau:

VND

Giá trị đầu tư:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	603.357.793.569
Giảm giá trị đầu tư	<u>(95.608.590.909)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>507.749.202.660</u>

Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(123.968.267.520)
Phần lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	(27.327.361)
Cổ tức được chia trong kỳ	<u>(1.287.681.818)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(125.283.276.699)</u>

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>479.389.526.049</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>382.465.925.961</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
		VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	VND	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần BOT 38	Đầu tư và phát triển hạ tầng	47.500.000.000	19,00	-	-
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Khai thác và xử lý nước	40.500.000.000	15,00	-	-
TỔNG CỘNG		88.000.000.000		-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

Nguyên giá:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	38.333.556.645
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	<u>(9.000.000.000)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>29.333.556.645</u>

Phân bổ lũy kế:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(20.038.889.819)
Phân bổ trong kỳ	(1.466.677.833)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	<u>6.300.000.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(15.205.567.652)</u>

Giá trị còn lại:

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>18.294.666.826</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>14.127.988.993</u>

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán khác	183.477.424.252	246.693.152.540
- Wirtgen Singapore Pte Ltd	-	46.799.448.000
- Khác	183.477.424.252	199.893.704.540
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	<u>157.239.325.843</u>	<u>169.871.126.312</u>
TỔNG CỘNG	<u>340.716.750.095</u>	<u>416.564.278.852</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Người mua trả tiền trước	278.617.863.939	322.974.402.841
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thuận Lợi	96.000.000.000	-
- Tạm ứng từ cá nhân mua dự án đất nền	69.221.079.504	135.468.127.760
- Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	50.014.392.587	61.254.529.627
- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang – Lạng Sơn	-	64.920.800.000
- Khác	63.382.391.848	61.330.945.454
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 29)	<u>97.821.620.000</u>	<u>121.800.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>376.439.483.939</u>	<u>444.774.402.841</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế giá trị gia tăng	24.226.147.770	21.925.634.127	(3.542.838.635)	42.608.943.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.380.584.674	9.495.818.019	(19.532.222.114)	6.344.180.579
Thuế thu nhập cá nhân	1.609.107.110	2.141.108.747	(1.917.691.802)	1.832.524.055
Thuế nhà thầu	732.683.354	-	(732.683.354)	-
Khác	4.398.556	-	-	4.398.556
TỔNG CỘNG	<u>42.952.921.464</u>	<u>33.562.560.893</u>	<u>(25.725.435.905)</u>	<u>50.790.046.452</u>

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Chi phí dự án các công trình xây dựng	177.191.181.465	177.255.024.343
Tiền hoa hồng	4.493.773.721	6.335.981.605
Lương tháng 13	1.599.896.016	2.502.432.470
Lãi vay	637.519.693	361.122.163
Khác	555.250.000	490.000.000
TỔNG CỘNG	<u>184.477.620.895</u>	<u>186.944.560.581</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	89.190.754.542	98.653.442.784
Phạt thuế	58.162.873.850	58.669.949.461
Nhận tạm ứng	26.171.035.123	28.046.035.123
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	720.681.030	464.912.060
Nhận ký quỹ	-	4.000.000.000
Khác	4.136.164.539	7.472.546.140
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	<u>65.443.351</u>	<u>65.443.351</u>
TỔNG CỘNG	<u>89.256.197.893</u>	<u>98.718.886.135</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên khác</i>	72.270.656.687	77.118.259.549
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	16.985.541.206	21.600.626.586

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn	310.476.895.355	268.991.956.456
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	256.358.101.858	215.617.941.138
Vay từ cá nhân (Thuyết minh số 21.3)	5.962.500.000	16.374.550.000
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	30.425.822.226	15.169.555.568
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	17.730.471.271	21.829.909.750
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	74.042.107.432	44.528.799.833
TỔNG CỘNG	384.519.002.787	313.520.756.289

Chi tiết tình hình tăng giảm các khoản vay được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	313.520.756.289	440.044.661.187
Tăng trong kỳ	391.413.676.483	363.494.329.321
Giảm trong kỳ	(270.415.429.985)	(323.140.445.563)
Giảm do thanh lý khoản đầu tư	(50.000.000.000)	-
Số cuối kỳ	<u>384.519.002.787</u>	<u>480.398.544.945</u>

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn					
Hợp đồng vay số 775/2013/HĐ ngày 20 tháng 5 năm 2013 kèm phụ lục bổ sung số 09-775/2013/HĐ ngày 30 tháng 5 năm 2016	102.337.135.441	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2017 đến ngày 29 tháng 12 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	8,1 - 8,3	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 27ha, Quyền sử dụng đất tại Phường Lộc Phát, Thành phố Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng thuộc dự án Khu dân cư Bảo Lộc 17ha (Thuyết minh số 9)
Hợp đồng vay số 1483/2015/95893/HĐTD ngày 18 tháng 9 năm 2015	42.304.770.112	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2017 đến ngày 29 tháng 12 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	8,3	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 56/2016/HĐTD/HCM/01 ngày 6 tháng 10 năm 2016	102.973.762.809	Từ ngày 14 tháng 7 năm 2017 đến ngày 22 tháng 3 năm 2018	Tài trợ vốn lưu động	8,0 - 8,2	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Xã Long Tân, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai thuộc dự án Khu dân cư Nhơn Trạch 50ha (Thuyết minh số 9)

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	--------------------------------	----------------	--------------	------------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân – Chi nhánh Sài Gòn

Hợp đồng vay số 012/16/HĐHM/101-76 ngày 26 tháng 4 năm 2016	8.742.433.496	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2017 đến ngày 6 tháng 9 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	9	Các hợp đồng kinh tế mà công ty Licogi 16 đã ký theo Hợp đồng thế chấp số 012/16/HĐMB/101-76
---	---------------	--	----------------------	---	--

TỔNG CỘNG **256.358.101.858**

21.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
-----------	--------------------------------	----------------	--------------	------------------	-------------------

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn

Hợp đồng số 402/2016/95893/HĐTĐ ngày 3 tháng 3 năm 2016	99.808.249.088	Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 4 tháng 2 năm 2021	Mua sắm tài sản cố định	10,9	Tài sản cố định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 474/2016/95893/HĐBĐ (Thuyết minh số 11)
---	----------------	--	-------------------------	------	---

Trong đó:
Vay dài hạn đến hạn trả 26.280.000.000



Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Hợp đồng vay số 03-04.15/HĐTĐTH/TPB.HCM ngày 13 tháng 5 năm 2015	3.749.333.336	Từ ngày 14 tháng 8 năm 2017 đến ngày 14 tháng 5 năm 2018	Thanh toán tiền mua 8 chiếc xe Tata Dea Woo	9,6	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tại sân số 03-04.15/HĐTĐTH/TPB.HCM và 05-07.13/HĐTĐTH/TPB.HCM (Thuyết minh số 11)
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	3.749.333.336				
Hợp đồng số 121/2017/HĐTĐ ngày 4 tháng 5 năm 2017	781.958.333	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2017 đến ngày 5 tháng 5 năm 2020	Mua xe ô tô	6,8	Tài sản cố định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 121/2017/HĐTĐ/HCM/01 (Thuyết minh số 11)
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn đến hạn trả	268.099.989				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh (tiếp theo)					
Hợp đồng số 07-03.15/HĐTĐTH/TPBANK.HCM ngày 20 tháng 3 năm 2015	109.999.997	Từ ngày 20 tháng 9 năm 2017 đến ngày 20 tháng 3 năm 2018	Thanh toán tiền mua xe Ford Ranger	9,6	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 07-03.15/HĐTĐTH/TPBANK.HCM (Thuyết minh số 11)
Trong đó:	109.999.997				
Vay dài hạn đến hạn trả	18.388.904	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2017 đến ngày 21 tháng 8 năm 2017	Mua xe ô tô	9,9	Tài sản cố định theo hợp đồng thế chấp tài sản số 26-08.14/HĐTĐTH/TPBANK.HCM ngày 20 tháng 8 năm 2014
Trong đó:	<u>18.388.904</u>				
Vay dài hạn đến hạn trả	104.467.929.658				
Trong đó:	30.425.822.226				
Vay dài hạn đến hạn trả	74.042.107.432				

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Các khoản vay từ cá nhân

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ cá nhân được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Nhân viên của Công ty	<u>5.962.500.000</u>	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 7 năm 2017	Tài trợ vốn lưu động	9,5	Tín chấp

Trong đó:

Vay từ bên liên quan
(Thuyết minh số 29)

750.000.000

21.4 Khoản vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn từ bên liên quan được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần BOT 38	<u>17.730.471.271</u>	Ngày kết thúc Tài trợ công trình cải tạo, giai đoạn đầu tư dự án	Tài trợ công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A	Không lãi suất	Tín chấp

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

17.730.471.271

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	1.731.302.878	977.118.388.735
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	20.006.057.799	20.006.057.799
Tăng do thay đổi quyền kiểm soát trong công ty con	-	-	-	-	91.666.667	91.666.667
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	21.829.027.344	997.216.113.201
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	70.721.042.099	1.046.108.127.956
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	44.888.431.977	44.888.431.977
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	762.499.560.000	93.686.613.494	(3.390.000)	119.204.302.363	115.609.474.076	1.090.996.559.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	<u>762.499.560.000</u>	<u>762.499.560.000</u>

22.3 Cổ phiếu - cổ phiếu phổ thông

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	76.249.956	76.249.956
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.249.956	76.249.956
Cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(338)	(338)
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	76.249.618	76.249.618

22.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế	44.888.431.977	20.006.057.799
Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi (i)	<u>(2.244.421.599)</u>	<u>(2.000.605.780)</u>
Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty	<u>42.644.010.378</u>	<u>18.005.452.019</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	<u>76.249.618</u>	<u>76.249.618</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>559</u>	<u>236</u>

(i) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2017 ngày 26 tháng 4 năm 2017 ("NQĐHĐCĐ 2017").

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập với tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 theo NQĐHĐCĐ 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Doanh thu dịch vụ xây dựng	290.569.620.761	311.880.799.604
Doanh thu từ bán đất nền	211.605.660.129	-
Doanh thu bán hàng	687.659.590	6.435.747.875
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	63.272.728	17.738.412.114
TỔNG CỘNG	<u>502.926.213.208</u>	<u>336.054.959.593</u>

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	7.850.000.000	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.078.418.814	5.038.253.971
TỔNG CỘNG	<u>10.928.418.814</u>	<u>5.038.253.971</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Giá vốn dịch vụ xây dựng	258.186.978.098	308.987.172.933
Giá vốn bán đất nền	143.436.552.822	-
Giá vốn hàng bán	700.511.607	6.889.926.466
Giá vốn dịch vụ khác	-	536.790.559
TỔNG CỘNG	<u>402.324.042.527</u>	<u>316.413.889.958</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	16.839.531.734	17.228.062.633
Khác	311.334.588	1.606.688.401
TỔNG CỘNG	<u>17.150.866.322</u>	<u>18.834.751.034</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng	19.663.684.848	1.488.871.363
- Chi phí hoa hồng	19.475.187.581	1.313.636.363
- Chi phí khác	188.497.267	175.235.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.511.679.620	14.384.684.990
- Chi phí lương	12.177.785.150	8.325.292.808
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.822.320.834	2.748.173.074
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	1.466.677.833	1.251.666.667
- Chi phí khấu hao và hao mòn	894.907.854	820.686.249
- Hoàn nhập chi phí dự phòng	(1.712.305.981)	(2.711.776.356)
- Chi phí khác	4.862.293.930	3.950.642.548
TỔNG CỘNG	<u>39.175.364.468</u>	<u>15.873.556.353</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	2.192.067.470	31.738.269.272
Phí bảo lãnh	611.138.400	1.727.898.390
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	28.294.619.563
Khác	1.580.929.070	1.715.751.319
Chi phí khác	(1.825.132.629)	(2.543.887.842)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	(1.069.929.834)	-
Phí bảo lãnh	(509.282.000)	(1.113.166.343)
Khác	(245.920.795)	(1.430.721.499)
LỢI NHUẬN KHÁC	<u>366.934.841</u>	<u>29.194.381.430</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại doanh nghiệp khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	9.495.818.019	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(3.557.737.710)</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>5.938.080.309</u>	<u>-</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>55.543.966.185</u>	<u>20.006.057.799</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Nhóm Công ty	11.108.793.237	4.001.211.560
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Lỗi (lãi) từ công ty liên kết	5.465.472	(168.132.030)
Phân bổ lợi thế thương mại	293.335.567	250.333.333
Điều chỉnh hợp nhất do thanh lý khoản đầu tư	(1.260.000.000)	(110.000.000)
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(4.916.701.292)	3.411.177.380
Thay đổi dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trên báo cáo riêng	30.385.457	9.768.220
Thay đổi dự phòng phải thu khó đòi	(342.461.196)	(542.355.271)
Thay đổi trợ cấp thôi việc phải trả	(19.945.250)	-
Chi phí không được trừ	139.069.064	522.018.189
Thay đổi chi phí phải trả ngắn hạn	(899.137.812)	-
Chênh lệch chi phí khấu hao	(235.272.093)	(611.197.398)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(6.762.823.983)
Lỗi tính thuế	2.034.549.155	-
Chi phí thuế TNDN	<u>5.938.080.309</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chênh lệch đánh giá lại hàng tồn kho từ hợp nhất kinh doanh	(3.028.640.608)	(6.586.378.318)	3.557.737.710	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	(3.028.640.608)	(6.586.378.318)		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			3.557.737.710	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau do tính không chắc chắn của thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

Các chênh lệch tạm thời

Lỗi chuyển sang các năm sau	53.556.396.978
Lợi nhuận chưa thực hiện dài hạn	11.685.021.762
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	24.389.843.102
Chênh lệch chi phí khấu hao	4.563.293.721
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.840.292.543
Trợ cấp thôi việc phải trả	2.182.101.000

TỔNG CỘNG

98.216.949.106

Lỗi chuyển sang các năm sau

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 53.556.396.978 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 43.383.651.203 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
2015	2020	(46.571.497.627)	3.187.846.424	-	(43.383.651.203)
6 tháng năm 2017	2022	(10.172.745.775)	-	-	(10.172.745.775)
TỔNG CỘNG		(56.744.243.402)	3.187.846.424	-	(53.556.396.978)

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Nhận tạm ứng Doanh thu công trình	116.990.000.000 116.172.000.000	- -
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty Nhận tạm ứng Vay Phí bảo lãnh Doanh thu khác	46.235.650.875 33.000.000.000 30.000.000.000 381.138.000 122.636.364	82.090.144.034 - 10.000.000.000 1.703.500.026 -
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Doanh thu công trình	7.131.072.489	65.900.924.729
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng cung cấp cho Nhóm Công ty Cho vay Doanh thu khác Bán tài sản cố định Chi phí tài chính Doanh thu cho thuê máy, thiết bị Mua nguyên vật liệu	3.749.181.101 2.000.000.000 230.000.400 - - - -	38.573.918.742 - 640.028.405 4.874.342.072 1.606.688.401 981.770.218 51.103.142
Công ty TNHH Khu đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	Doanh thu tư vấn	72.727.273	-
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn CT12	Cho vay	1.000.000.000	-
Bà Đình Thị Hiền	Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")	Vay	650.000.000	-
Ông Bùi Dương Hùng	Chủ tịch	Vay	-	9.500.000.000

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
				VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	97.003.620.000	-
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Dịch vụ xây dựng	28.844.780.608	48.979.421.591
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	10.060.339.912	8.580.834.737
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	9.470.020.278	9.240.019.878
Công ty TNHH Nhiên liệu Sinh học Phương Đông	Công ty liên kết	Cho thuê	1.321.425.440	1.321.425.440
Công ty TNHH Khu Đô thị Phú Hội	Công ty liên kết	Dịch vụ tư vấn	80.000.000	-
TỔNG CỘNG			146.780.186.238	68.121.701.646
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	87.056.482.630	54.056.482.630
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	35.248.708.602	35.248.708.602
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	3.151.128.863	3.151.128.862
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	-	478.644.488
TỔNG CỘNG			125.456.320.095	92.934.964.582

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Cho vay	5.000.000.000	4.000.000.000	
Phải thu ngắn hạn khác					
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	20.129.871.740	20.129.871.740	
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Tạm ứng	9.855.891.968	9.855.891.968	
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Phí bảo lãnh	39.329.849	404.329.849	
Bà Trần Thị Hồng Gấm	Thành viên góp vốn Công ty Siêu Thành	Tạm ứng	-	4.000.000.000	
TỔNG CỘNG			30.025.093.557	34.390.093.557	
Phải trả người bán ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(89.527.885.650)	(93.236.245.260)	
Công ty Cổ phần Licogi 166	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(66.625.312.185)	(76.100.402.840)	
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(551.649.795)	-	
Công ty Cổ phần Licogi 16 M&C	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	(534.478.213)	(534.478.212)	
TỔNG CỘNG			(157.239.325.843)	(169.871.126.312)	

Công ty Cổ phần Licogi 16

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
VND				
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần BOO Nhà máy nước Phú Ninh	Bên liên quan	Ứng trước	(97.821.620.000)	-
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Ứng trước	-	(100.000.000.000)
Bà Trần Thị Hồng Gấm	Thành viên góp vốn Công ty Siêu Thành	Ứng trước	-	(21.800.000.000)
TỔNG CỘNG			(97.821.620.000)	(121.800.000.000)
Phải trả ngắn hạn khác				
Ông Trần Duy Doanh	Thành viên góp vốn Công ty CT12	Tạm ứng	(15.660.366.547)	(15.660.366.547)
Công ty Cổ phần Điện lực Licogi 16	Công ty liên kết	Nhận đặt cọc	(1.325.174.659)	(1.325.174.659)
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Licogi 16.8	Công ty liên kết	Tạm ứng	-	(2.615.085.380)
Ông Trần Minh Ngọc Việt	Giám đốc Công ty Siêu Thành	Tạm ứng	-	(2.000.000.000)
TỔNG CỘNG			(16.985.541.206)	(21.600.626.586)
Vay				
Công ty Cổ phần BOT 38	Bên liên quan	Vay	(17.730.471.271)	(21.829.909.750)
Bà Đinh Thị Hiền	Thành viên HĐQT	Vay	(750.000.000)	(2.960.000.000)
Ông Hoàng Minh Khai	Thành viên Ban Tổng Giám đốc ("TGD")	Vay	-	(2.955.000.000)
Ông Phí Ngọc Anh	Thành viên Ban TGD	Vay	-	(1.350.000.000)
Ông Tăng Quốc Thuộc	Tổng Giám đốc	Vay	-	(1.000.000.000)
TỔNG CỘNG			(18.480.471.271)	(30.094.909.750)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
		VND
Lương và thưởng	<u>3.227.206.516</u>	<u>2.183.191.863</u>

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
		VND
Đến 1 năm	1.331.100.000	1.331.100.000
Trên 1 đến 5 năm	<u>1.782.564.750</u>	<u>2.451.442.500</u>
TỔNG CỘNG	<u>3.113.664.750</u>	<u>3.782.542.500</u>

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là phát triển và kinh doanh bất động sản, bao gồm cao ốc văn phòng và căn hộ cho thuê, cung cấp dịch vụ xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; mua bán vật liệu xây dựng.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Nhóm Công ty như sau:

	Bất động sản	Dịch vụ xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Doanh thu thuần					VND
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	211.605.660.129	208.769.288.041	750.932.318	81.800.332.720	502.926.213.208
Tổng doanh thu thuần	211.605.660.129	208.769.288.041	750.932.318	81.800.332.720	502.926.213.208
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	68.169.107.307	26.148.057.512	50.420.711	6.234.585.151	100.602.170.681
Chi phí không phân bổ					(39.175.364.468)
Doanh thu hoạt động tài chính					10.928.418.814
Chi phí tài chính					(17.150.866.322)
Lợi nhuận khác					366.934.841
Phần lỗ từ công ty liên kết					(27.327.361)
Lợi nhuận thuần trước thuế					55.543.966.185
Chi phí thuế TNDN hiện hành					(9.495.818.019)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					3.557.737.710
Lợi nhuận thuần sau thuế					49.605.885.876
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	436.064.571.473	1.012.191.635.530	110.263.160.670	(9.719.429.156)	1.548.799.938.517
Tài sản không phân bổ					1.016.719.263.739
Tổng tài sản					2.565.519.202.256
Công nợ bộ phận	98.499.691.477	1.172.462.281.465	97.840.292.543	(82.649.407.769)	1.286.152.857.716
Công nợ không phân bổ					159.126.203.350
Tổng công nợ					1.445.279.061.066

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Nhóm Công ty như sau:

	Bất động sản	Dịch vụ xây dựng	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
VND					
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Doanh thu thuần					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	-	338.798.078.718	35.507.948.715	(38.251.067.840)	336.054.959.593
Tổng doanh thu thuần	-	338.798.078.718	35.507.948.715	(38.251.067.840)	336.054.959.593
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	-	5.835.533.846	27.723.371.317	(13.917.835.528)	19.641.069.635
Chi phí không phân bổ					(15.873.556.353)
Doanh thu hoạt động tài chính					5.038.253.971
Chi phí tài chính					(18.834.751.034)
Lợi nhuận khác					29.194.381.430
Phân lãi từ công ty liên kết					840.660.150
Lợi nhuận thuần trước thuế					20.006.057.799
Chi phí thuế TNDN hiện hành					-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					-
Lợi nhuận thuần sau thuế					20.006.057.799
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	573.353.406.254	823.248.408.387	72.706.689.820	(18.736.311.867)	1.450.572.192.594
Tài sản không phân bổ					1.162.641.569.266
Tổng tài sản					2.613.213.761.860
Công nợ bộ phận	48.095.574.750	887.159.389.894	6.335.981.605	(24.561.350.527)	917.029.595.722
Công nợ không phân bổ					620.549.910.824
Tổng công nợ					1.537.579.506.546

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Đặng Văn Lực
Người lập



Đinh Thị Hiền
Kế toán trưởng



Bùi Dương Hùng
Người đại diện theo pháp luật

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

